

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS - PT
Ngày 24 - 3 - 2022
V/v “*Kiến tranh chấp lối đi chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Trường và ông Đinh Tiến Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc “*Kiến tranh chấp lối đi chung*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2021/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Hà Nam bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2022/QĐ-PT ngày 07/3/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1947 và bà Vũ Thị N, sinh năm 1953; cùng ở địa chỉ: Đường H, tổ 5, phường K, thành phố L, tỉnh Hà Nam (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Mai L, sinh năm 1960 và bà Bùi Thị V, sinh năm 1960; cùng ở địa chỉ: Phố K, tổ 6, phường K, thành phố L, tỉnh Hà Nam (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. NLQ1, sinh năm 1957 và NLQ2, sinh năm 1958; cùng ở địa chỉ: Phố K, tổ 6, phường K, thành phố L, tỉnh Hà Nam (Có mặt NLQ1, vắng mặt NLQ2).

3.2. NLQ3; địa chỉ trụ sở: Đường Phan Đăng L, phường A, quận P, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; địa chỉ Chi nhánh tại Hà Nam: Đường H, thành phố L, tỉnh

Hà Nam; đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Xuân T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Chi nhánh Hà Nam (Vắng mặt).

- Người làm chứng: NLC1, NLC2 và NLC3 (NLC1, NLC3 có mặt; NLC2 vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Mạnh H và bà Vũ Thị N là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai, nguyên đơn trình bày:

Cụ Nguyễn Thanh Q và cụ Lương Thị H sinh được 08 người con (trong đó 01 người là liệt sỹ, 01 người ốm chết), còn lại 06 người con gồm ông Nguyễn Mạnh H, ông Nguyễn Mai L, NLQ1, NLC1, NLC2, NLC3. Cả ông H, ông L, NLQ1 khi lập gia đình đều sinh sống chung cùng với bố mẹ. Do ông H là con trưởng nên khi lấy vợ được cụ Q, cụ H cho phần ao phía sau thửa đất của hai cụ để vợ chồng lấp ao, xây dựng nhà cấp 4 ba gian ra ở riêng. NLQ1 và ông L khi lập gia đình thì tách thành hộ riêng nhưng vẫn ở cùng trên thửa đất của bố mẹ quay ra mặt đường B. Ngày 28/04/1987, cụ Q, cụ H họp gia đình có mặt đầy đủ các người con đã quyết định hai cụ đổi nhà cho vợ chồng ông H, bà N xuống ở tại căn nhà cấp 4 ba gian phía sau để vợ chồng ông H lên ở tại căn nhà ba gian của hai cụ phía trước giáp mặt đường B. Vợ chồng ông L, bà V do ở cùng với bố mẹ tại căn nhà cấp 4 ba gian phía sau nên đã sử dụng lối đi là ngõ giáp số nhà 128 và 138. Năm 1990, cụ Q, cụ H họp gia đình để phân chia đất cho các con đã thống nhất mở một lối đi xuyên qua căn nhà cấp 4 của vợ chồng ông H để gia đình 03 người con trai làm lối đi chung ra đường B. Việc phân chia đất cho các con và cắt đất làm ngõ đi được các cụ lập thành “Biên bản chia đất cát nhà ở” ghi ngày 07/7/1990, trong đó về lối đi có nội dung thể hiện: “Lối đi chiều rộng là 01m, chiều dài 23m sát đầu nhà phía Tây của anh H để NLQ1, anh L đi phía dưới còn phần khoảng không cao 2,5m trở lên do vợ chồng anh H sử dụng”. Biên bản này đã được chính quyền địa phương phường K xác nhận, phần đất ngõ đi chung này không nằm trong diện tích đất ở của các gia đình ông H, NLQ1 và ông L được bố mẹ phân chia. Đến năm 2017, ông bà sửa sang, xây dựng mới căn nhà 03 tầng trong khuôn viên đất ở của gia đình giáp với mặt đường B và sử dụng tầng 1 để cho thuê cửa hàng kinh doanh nên mở một cổng phụ đi từ sân phía sau ra lối đi chung để đi ra đường B. Năm 2021, ông bà mới biết vợ chồng ông L, bà V bằng thủ đoạn gian dối và được sự tiếp tay, che dấu của chính quyền các cấp đã hợp thức hóa phần đất ngõ đi chung của gia đình 03 anh em thành đất ở riêng mang tên hộ ông L, bà V nên đã phản đối thì bị gia đình ông L, bà V khóa cổng ngõ đi chung, không cho tiếp tục sử dụng làm ảnh

hưởng đến cuộc sống của gia đình ông bà. Cũng từ năm 2017, gia đình ông L, bà V đã tự ý cho NLQ3 thuê diện tích mặt bằng để cán bộ, nhân viên Ngân hàng làm nơi gửi xe, đi lại ra vào hàng ngày bằng lối đi chung mà không được sự đồng ý, nhất trí của gia đình ông bà.

Nay ông bà khởi kiện, yêu cầu Tòa án xem xét, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất ngõ đi chung của các gia đình mà hộ ông L, bà V đã được cấp trái phép và phải bồi thường thiệt hại cho gia đình ông bà. Ngày 12/8/2021, ông H, bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện không đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất ngõ đi đã cấp cho hộ gia đình ông L, bà V và xác định không tranh chấp về quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất hộ ông L, bà V đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông bà xác định lại nội dung khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc gia đình ông L, bà V phải trả lại phần đất ngõ đi về vị trí cũ ban đầu là lối đi chung cho các gia đình, chấm dứt việc cho NLQ3 thuê mặt bằng làm địa điểm gửi xe và trả lại phần không gian cao từ 2,5m trở lên phía trên đất ngõ đi cho vợ chồng ông bà toàn quyền sử dụng.

Bị đơn là ông Nguyễn Mai L, bà Bùi Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là NLQ1, NLQ2 cùng có quan điểm trình bày: Về quan hệ huyết thống; năm 1990 cụ Q, cụ H phân chia đất cho các con có cất đất ở của hai cụ ra để làm ngõ đi như nguyên đơn đã trình bày là đúng. Các ông bà cùng xác nhận khi đó cụ Q, cụ H cất ra một phần đất ở của hai cụ làm ngõ đi có chiều rộng là 01m, chiều dài là 23m chạy suốt từ phần đất phía sau của hai cụ ra đến đường B để làm lối đi chung cho hai gia đình ông L và gia đình NLQ1, còn gia đình ông H ở phía trước mặt đường B nên không được sử dụng lối đi này. Khi đó, do căn nhà cấp 4 tiếp giáp mặt đường B của cụ Q, cụ H giao lại cho gia đình ông H, bà N sử dụng có chiều rộng hơn 06 mét nên phần ngõ đi do hai cụ phân định đi ở bên dưới mái hồi của căn nhà cấp 4 này, gia đình ông H vẫn sử dụng khoảng không gian phía trên từ 2,5m trở lên là phần mái hồi của căn nhà cho đến khi nào sửa nhà thì sẽ phải cắt nóc, trả lại khoảng không gian cho ngõ đi. Sau khi được bố mẹ phân định ngõ đi, gia đình ông L đã bỏ tiền mua vật liệu xây dựng, gia đình NLQ1 bỏ tiền công thợ cùng con cháu tôn tạo mặt nền ngõ đi và xây một bức tường làm ranh giới đất cho gia đình ông H, bịt kín toàn bộ phần mốc giới đất của gia đình ông H với ngõ đi dài 23m chạy suốt từ phía sau ra đến đường B. Sau đó khoảng 02 năm thì gia đình ông H sửa sang lại căn nhà ở cấp 4 đã cắt phần hồi nóc, trả lại khoảng không gian trống phía trên đất ngõ đi như hiện tại và ông L đã bỏ ra số tiền 1.500.000 đồng để hỗ trợ cho gia đình ông H sửa nhà, sự việc này đã được cụ Q, cụ H cùng với các con của hai cụ chứng kiến. Khoảng năm 2000, do thành phố quy hoạch, mở mới con đường Tân Khai

phía Nam thửa đất của NLQ1 thì gia đình NLQ1 đi thẳng ra đường Tân Khai, không còn sử dụng chung ngõ đi nữa. Cùng thời gian này, cụ Q, cụ H đã làm thủ tục tặng cho toàn bộ thửa đất của hai cụ cho ông L nên đến năm 2006 được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp đối với toàn bộ thửa đất nhận tặng cho trong đó có diện tích phần đất ngõ đi. Từ khi được bố mẹ tặng cho lại quyền sử dụng đất, gia đình ông L là người trực tiếp quản lý, sử dụng ngõ đi, làm công sắt đóng mở để tiện cho việc quản lý hàng ngày và từ năm 2017 đến nay đã cho NLQ3 thuê mặt bằng phần sân phía sau của gia đình để nhân viên của NLQ3 gửi xe, đi lại ra vào qua ngõ đi. Trong suốt thời gian dài, gia đình 03 anh em sinh sống hòa thuận, ổn định trên phần đất được bố mẹ phân chia, không có tranh chấp gì với nhau. Gần đây, khi gia đình ông H, bà N xây mới căn nhà ba tầng trên phần đất của gia đình tiếp giáp mặt đường B và sử dụng để cho thuê nên đã đặt vấn đề xin mở cổng phụ đi nhờ ra ngõ đi từ phía sau nhà ba tầng và được ông L đồng ý. Các ông bà đều xác định gia đình ông H, bà N từ trước đến nay không sử dụng ngõ đi và cũng không có bất kỳ đóng góp hay bỏ ra chi phí đầu tư, tôn tạo nào vào ngõ đi. Nay ông H, bà N khởi kiện đòi quyền lợi đối với phần đất ngõ đi thì ông L, NLQ1 đều không nhất trí, không đồng ý xác định ngõ đi là lối đi chung. Ông L không chấp nhận yêu cầu chấm dứt việc cho NLQ3 thuê mặt bằng, sử dụng ngõ đi và đề nghị Tòa án xem xét, xác định quyền sở hữu hợp pháp đối với ngõ đi, bảo vệ quyền lợi chính đáng về tài sản cho ông bà.

Đại diện theo pháp luật của NLQ3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày, xác định: Theo Hợp đồng thuê mặt bằng để xe số 01/HĐTMBĐX/022021 ngày 01/02/2021 ký kết giữa NLQ3 với bà Bùi Thị V thì NLQ3 có thuê khuôn viên sân nhà số 03, tổ 6, phường K, thành phố L của gia đình bà V trong thời hạn 01 năm để cán bộ nhân viên NLQ3 làm nơi để xe máy. Hợp đồng thuê mặt bằng để xe nêu trên giữa các bên không liên quan gì đến phần diện tích đất ngõ đi các bên đang có tranh chấp trong vụ án, do đó NLQ3 không có liên quan gì đến vụ án và không tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như Tòa án đã xác định. NLQ3 đề nghị Tòa án giải quyết nội dung tranh chấp trong vụ án theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng trong vụ án gồm NLC1, NLC2 và NLC3 đều trình bày, xác nhận ngõ đi có tranh chấp giữa các bên có nguồn gốc trước đây là đất ở của cụ Q, cụ H, do hai cụ đã cắt đất của mình ra để cho gia đình NLQ1 và ông L làm ngõ đi chung. Từ khi cụ Q, cụ H tặng cho lại quyền sử dụng đất của hai cụ cho ông L thì gia đình ông L được hưởng nên là người trực tiếp sở hữu, quản lý, sử dụng ngõ đi.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Hà Nam quyết định:

Căn cứ khoản 2 và khoản 14 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 158, 185, 227, 228, 229, 271, 273 và 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 175, Điều 254 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 166, 167, 171 của Luật đất đai năm 2013; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh H, bà Vũ Thị N đối với ông Nguyễn Mai L, bà Bùi Thị V về việc:

- Yêu cầu công nhận ngõ đi có kích thước chiều rộng là 01m tiếp giáp đường B, chiều dài là 23m nằm trong thửa đất số 41, tờ bản đồ số 03, diện tích 187,3m² đứng tên hộ ông Nguyễn Mai L, bà Bùi Thị V là chủ sử dụng đất hợp pháp, có vị trí ở phía Đông thửa đất số 25, tờ bản đồ số 03 của hộ ông Nguyễn Mạnh H, bà Vũ Thị N là lối đi chung.

- Yêu cầu công nhận phần không gian phía trên phần đất ngõ đi của hộ gia đình ông Nguyễn Mai L, bà Bùi Thị V từ 2,5m trở lên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông Nguyễn Mạnh H, bà Vũ Thị N.

- Yêu cầu ông Nguyễn Mai L, bà Bùi Thị V phải chấm dứt việc cho NLQ3 thuê mặt bằng để gửi xe do có sử dụng ngõ đi làm lối đi ra vào khu mặt bằng gửi xe.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 10/01/2022, nguyên đơn là ông Nguyễn Mạnh H, bà Vũ Thị N làm đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố L, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung công nhận ngõ đi có chiều rộng 1m, dài 23m, chiều cao 2,5m là ngõ đi toàn quyền sử dụng của vợ chồng H, N. Ngày 17/01/2022, ông Nguyễn Mạnh H, bà Vũ Thị N có đơn kháng cáo (bổ sung) với nội dung buộc vợ chồng ông L, bà V chấm dứt ngay việc cản trở quyền sử dụng ngõ đi chung; công nhận quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông H, bà N từ chiều cao 2,5m so với mặt đất trở lên đối với ngõ đi chung; buộc ông L, bà V phải trả lại 1/3 số tiền đã cho NLQ3 thuê ngõ làm chỗ để xe.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Mạnh H, bà Vũ Thị N đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm 13/2021/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Hà Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự, nghe Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét đơn kháng cáo đề ngày 10/01/2022; Đơn kháng cáo (bổ sung) đề ngày 17/01/2022 và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Mạnh H, bà Vũ Thị N chỉ đề nghị xem xét: Công nhận ngõ đi chung, chấp nhận đơn khởi kiện của ông bà; Hội đồng xét xử thấy yêu cầu kháng cáo của ông bà phù hợp quy định tại các Điều 272, 273, 284 Bộ luật tố tụng dân sự được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét theo quy định pháp luật.

Tranh chấp giữa ông Nguyễn Mạnh H, bà Vũ Thị N với ông Nguyễn Mai L, bà Bùi Thị V về lối đi chung thuộc loại tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản liên quan đến quyền sử dụng đất; bị đơn có nơi cư trú tại tổ 6, phường K, thành phố L, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 2 và khoản 14 của Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 171 của Luật đất đai năm 2013, Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Hà Nam thụ lý, giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Nội dung thuộc tranh chấp về quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản có liên quan đến quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai năm 2013. Căn cứ quy định tại các Điều 155, 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[2] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Mạnh H, bà Vũ Thị N; thấy rằng:

2.1. Về nguồn gốc, thực trạng quản lý, sử dụng lối đi tranh chấp đã tồn tại từ năm 1990 kể từ khi cụ Nguyễn Thanh Q và cụ Lương Thị H phân chia đất cho các con đã cắt một phần đất ở để làm lối đi chung. Khi đó là lối đi duy nhất từ thửa đất gia đình hai cụ ra đường B. Lối đi này được các hộ NLQ1, ông L sử dụng đi ra đường B phục vụ sinh hoạt đời sống, mặc dù đã tách hộ nhưng các

ông vẫn sinh sống cùng 2 cụ trên cùng thửa đất. Theo bản đồ địa chính năm 1994, thì phần đất lối đi này có kích thước rộng 1m tiếp giáp đường B ở phía Bắc, dài 23m nằm trong thửa đất số 41, tờ bản đồ số 3, diện tích 160,9m² đứng tên cụ H là chủ sử dụng hợp pháp trên hồ sơ quản lý đất đai; phía Đông của lối đi này giáp thửa số 31, diện tích 143,1m² thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ ông Nguyễn Mạnh H. Tại bản đồ địa chính năm 2010 thì phần đất lối đi này có kích thước rộng 1m tiếp giáp đường B ở phía Bắc, dài 23m nằm trong thửa đất số 41, tờ bản đồ số 3, diện tích 187,3m² đứng tên hộ ông Nguyễn Mai L, bà Bùi Thị V là chủ sử dụng hợp pháp do có hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất của hai cụ Q, cụ H từ tháng 12 năm 1999. Khi thành phố mở thêm đường Tân Khai và các đường nhánh đi ra đường Tân Khai thì hộ NLQ1 đi thẳng ra đường Tân Khai, không sử dụng lối đi chung nữa, nên chỉ còn hộ ông bà L, V là người quản lý sử dụng lối đi này.

2.2. Căn cứ pháp lý xác định quyền sử dụng đất hợp pháp, quyền sở hữu và quyền định đoạt đối với tài sản là phần đất ngõ đi; yêu cầu của nguyên đơn đối với việc xem xét, giải quyết về quyền lợi đối với phần không gian phía trên đất ngõ đi và quyền lối đi qua bất động sản liền kề theo quy định của pháp luật, nhận thấy: Thứ nhất, quyền sở hữu diện tích đất lối đi đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông L từ năm 2006. Ông Nguyễn Mạnh H, bà Vũ Thị N không yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông L nên ông L là chủ sử dụng hợp pháp lối đi trên. Do đó, hộ gia đình ông L, bà V có quyền quản lý, sử dụng đất ngõ, tôn tạo cơ sở hạ tầng trên đất để thuận tiện cho việc sử dụng, cho thuê mặt bằng một phần diện tích thửa đất của mình có sử dụng ngõ đi làm lối ra vào để sinh lợi, phục vụ cuộc sống của gia đình và các quyền khác liên quan đến quyền sử dụng đất hợp pháp được pháp luật cho phép và bảo vệ. Thứ hai, gia đình ông H, bà N mới xây nhà ba tầng kiên cố giáp ngõ đi; hiện trạng toàn bộ diện tích xây nhà của gia đình ông, bà xây kín, không đưa ra khoảng không phía trên ngõ đi, không bị vây bọc bởi bất động sản nào của các chủ sở hữu bất động sản khác liền kề làm cho gia đình không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, cũng không có cơ sở nào để xác định cuộc sống hiện tại của gia đình ông H, bà N bị ảnh hưởng do không có lối đi hoặc bị hạn chế về lối đi ra đường công cộng.

Từ phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Mạnh H, bà Vũ Thị N.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do ông H, bà N đều là người cao tuổi (đủ 60 tuổi trở lên) và có đơn xin miễn án phí, căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên ông H, bà N được miễn toàn bộ án phí.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Mạnh H, bà Vũ Thị N.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố L về việc “Kiện tranh chấp lỗi đi chung”.
3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Mạnh H, bà Vũ Thị N không phải nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND thành phố L;
- VKSND thành phố L;
- Chi cục THADS thành phố L;
- UBND phường K, thành phố L;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương

